

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VỐN TỪ TIẾNG VIỆT CHO TRẺ 3-4 TUỔI DÂN TỘC THÁI QUA LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Phan Thị Phương Thảo, Kim Thị Mỹ Lệ*, Lê Thị Thùy Linh, Phan Thị Ngọc Anh,
Lương Thị Cẩm Ly

Sinh viên Khóa 64 A Giáo dục Mầm non - Khoa Giáo dục Mầm non – Trường Sư Phạm – Trường ĐH Vinh
Email*: kimmyle971@gmail.com

Tóm tắt: Phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ quan trọng trong Giáo dục mầm non, đặc biệt đối với trẻ 3–4 tuổi đây là giai đoạn “vàng” của sự phát triển ngôn ngữ. Trẻ em dân tộc Thái trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ nên việc tiếp cận và sử dụng tiếng Việt trong môi trường học tập còn gặp nhiều khó khăn. Bài báo tập trung làm rõ thực trạng phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học tại một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp phát triển vốn từ tiếng Việt phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non con em đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ khóa: Phát triển vốn từ, trẻ 3–4 tuổi, dân tộc Thái, làm quen tác phẩm văn học, biện pháp.

CURRENT SITUATION OF VIETNAMESE VOCABULARY DEVELOPMENT FOR 3–4-YEAR-OLD THAI ETHNIC CHILDREN THROUGH LITERARY WORKS IN PRESCHOOLS IN NGHE AN PROVINCE

Abstract: Developing Vietnamese vocabulary for ethnic minority preschool children is an important task in early childhood education, especially for children aged 3–4, which is considered a “golden” stage of language development. For Thai ethnic children in Nghe An province, Vietnamese is not their mother tongue; therefore, accessing and using Vietnamese in the learning environment remains challenging. This article focuses on clarifying the current situation of Vietnamese vocabulary development for 3–4-year-old Thai ethnic children through activities of familiarization with literary works at several preschools in Nghe An province. The research findings provide an important practical basis for proposing appropriate measures to develop Vietnamese vocabulary, thereby contributing to improving the quality of language development education for preschool children from ethnic minority communities.

Keywords: Vocabulary development; children aged 3–4; Thai ethnic children; familiarization with literary works; measures.

Nhận bài: 15/12/2026

Phản biện: 15/01/2026

Duyệt đăng: 20/01/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non, là công cụ giao tiếp, tư duy và tiếp nhận tri thức. Ở lứa tuổi 3–4, vốn từ của trẻ phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, tạo nền tảng cho các hoạt động học tập và giao tiếp xã hội sau này. Tuy nhiên, đối với trẻ em dân tộc thiểu số nói chung và trẻ dân tộc Thái nói riêng, việc phát triển tiếng Việt gặp nhiều trở ngại do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và môi trường giao tiếp chủ yếu bằng ngôn ngữ dân tộc.

Trong Chương trình Giáo dục Mầm non hiện hành, hoạt động làm quen với tác phẩm văn học được xác định là một phương tiện hiệu quả nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Thông qua thơ, truyện, đồng dao..., trẻ được tiếp xúc với vốn từ phong phú, hình ảnh sinh động và ngôn ngữ giàu cảm xúc, từ đó từng bước mở rộng vốn từ và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt. Tuy nhiên, thực tế tại các trường mầm non vùng dân tộc thiểu số cho thấy việc tổ chức hoạt động này chưa thực sự phát huy hiệu quả như mong muốn.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, từ đó làm cơ sở đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng tổ chức phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái đối với giáo viên

2.1.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên và nhà trường

Nhận thức là yếu tố tiên quyết định hướng cho mọi hoạt động giáo dục. Qua khảo sát tại các trường mầm non, thực trạng nhận thức của giáo viên về việc phát triển vốn từ cho trẻ. Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên có nhận thức rất tích cực và thống nhất về vai trò của tác phẩm văn học trong việc phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái 3–4 tuổi. 100% giáo viên đồng ý rằng phát triển vốn từ qua văn học là nhiệm vụ trọng

tâm (85% Rất đồng ý, 15% Đồng ý). Điểm trung bình đạt 3,85 – cao nhất trong các nội dung khảo sát, cùng độ lệch chuẩn thấp ($SD = 0,37$) cho thấy mức độ đồng thuận rất cao.

Những số liệu này khẳng định giáo viên đã nhận thức rõ tác phẩm văn học không chỉ mang tính giải trí mà còn là môi trường ngôn ngữ chuẩn mực, giúp trẻ tiếp cận tiếng Việt một cách tự nhiên thông qua ngữ điệu, phát âm và hệ thống từ vựng phong phú. Đây là cơ sở nhận thức quan trọng để giáo viên chủ động khai thác tác phẩm văn học trong quá trình phát triển vốn từ cho trẻ.

** Nhận thức của giáo viên về việc đổi mới phương pháp theo hướng tích cực*

Bên cạnh nhận thức đúng đắn về vai trò của văn học, giáo viên cũng đã có sự chuyển biến trong nhận thức về đổi mới phương pháp theo hướng tích cực, lấy trẻ làm trung tâm. Phần lớn giáo viên cho rằng hình thức tổ chức hoạt động tích cực hiệu quả hơn phương pháp truyền thống, với 70% “Rất đồng ý”, 20% “Đồng ý”; tuy nhiên vẫn còn 10% phân vân. Điểm trung bình đạt 3,6, độ lệch chuẩn 0,68, cho thấy mức độ đồng thuận chưa thật sự cao.

Sự phân hóa nhận thức tiếp tục thể hiện ở nội dung sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng Thái) để giải thích từ khó: 40% Rất đồng ý, 45% Đồng ý, 10% phân vân và 5% không đồng ý. Điều này phản ánh những băn khoăn của giáo viên trong việc cân bằng giữa tăng cường tiếng Việt và giữ gìn bản sắc ngôn ngữ dân tộc.

Đối với năng lực cá nhân, đa số giáo viên khá tự tin vào kỹ năng kể chuyện và sử dụng đồ dùng trực quan (70% Rất đồng ý, 20% Đồng ý), song vẫn còn 10% phân vân, cho thấy mức độ tự tin chưa đồng đều trong đội ngũ.

2.1.2. Thực trạng các hình thức tổ chức phát triển vốn từ

Kết quả khảo sát về các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học tại các trường mầm non cho thấy giáo viên đã triển khai nhiều hình thức nhằm phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ, nhưng mức độ sử dụng còn chênh lệch rõ rệt. Điều này phản ánh sự khác biệt về nhận thức, điều kiện thực tế và năng lực tổ chức hoạt động của giáo viên.

Hình thức được sử dụng thường xuyên và đồng đều nhất là hoạt động học làm quen với tác phẩm văn học (kể chuyện, đọc thơ), với 100% giáo viên chọn mức “thường xuyên”, điểm trung bình 3,0 và độ lệch chuẩn bằng 0. Kết quả này cho thấy sự

thống nhất cao, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của tiết học có chủ đích trong việc giúp trẻ tiếp cận tác phẩm, hiểu nghĩa từ và rèn kỹ năng nghe – nói tiếng Việt. Tuy nhiên, việc tập trung quá nhiều vào hình thức này cũng cho thấy xu hướng tổ chức còn thiên về truyền thống.

Các hình thức trực quan, trải nghiệm như dùng rối, sa bàn, sân khấu hóa được áp dụng ở mức thấp hơn (25% thường xuyên, 65% thỉnh thoảng, 10% hiếm khi; ĐTB = 2,15), chủ yếu do hạn chế về đồ dùng, thời gian chuẩn bị và kỹ năng tổ chức. Hình thức tích hợp dạy từ vựng trong hoạt động ngoài trời và giờ ăn được sử dụng ở mức khá (45% thường xuyên, 40% thỉnh thoảng; ĐTB = 2,3), nhưng vẫn chưa trở thành thói quen phổ biến. Góc thư viện lớp được quan tâm hơn (60% thường xuyên; ĐTB = 2,6), song mức độ tổ chức giữa các lớp chưa đồng đều.

Đáng chú ý, các hội thi như “Bé kể chuyện”, “Đọc thơ diễn cảm” được sử dụng rất hạn chế (chỉ 10% thường xuyên, 60% hiếm khi; ĐTB = 1,5), cho thấy các hoạt động trải nghiệm, thi đua và biểu diễn chưa được chú trọng đúng mức. Nhìn chung, các hình thức tổ chức còn mất cân đối, tập trung vào tiết học chính khóa, trong khi các hình thức mở rộng môi trường ngôn ngữ chưa được khai thác thường xuyên. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất giải pháp đa dạng hóa hình thức tổ chức, nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc Thái.

2.1.3. Những khó khăn trong quá trình thực hiện

Kết quả khảo sát cho thấy trong quá trình tổ chức cho trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái làm quen với tác phẩm văn học để phát triển vốn từ tiếng Việt, giáo viên gặp nhiều khó khăn với mức độ ảnh hưởng khác nhau. Các khó khăn chủ yếu xuất phát từ đặc điểm ngôn ngữ của trẻ, sự phối hợp của gia đình, điều kiện học liệu và khả năng sử dụng tiếng dân tộc của giáo viên, đồng thời có sự tác động qua lại lẫn nhau.

Khó khăn lớn nhất là trẻ chưa thạo tiếng Việt, còn nhút nhát và sợ nói sai; 90% giáo viên đánh giá ảnh hưởng mạnh, 10% đánh giá mức trung bình (ĐTB = 2,9; $SD = 0,30$). Điều này cho thấy sự thống nhất cao trong nhận định và phản ánh thực tế trẻ ít chủ động sử dụng tiếng Việt do môi trường giao tiếp chủ yếu bằng tiếng mẹ đẻ. Khó khăn tiếp theo là sự thiếu phối hợp của phụ huynh trong hỗ trợ trẻ dùng tiếng Việt tại nhà, với 80% giáo viên đánh giá ảnh hưởng mạnh, 15% trung bình và 5% ít ảnh hưởng (ĐTB = 2,75), dẫn đến sự gián đoạn môi trường ngôn ngữ giữa nhà trường và gia đình.

Ngoài ra, thiếu đồ dùng trực quan và tranh truyện mang bản sắc dân tộc Thái cũng ảnh hưởng đáng kể (65% ảnh hưởng mạnh; ĐTB = 2,55), làm giảm hứng thú và khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ. Hạn chế về khả năng sử dụng tiếng Thái của giáo viên cũng là một trở ngại (ĐTB = 2,4), khiến việc giao tiếp, giải thích từ mới và hỗ trợ song ngữ chưa hiệu quả. Nhìn chung, các khó khăn này đòi hỏi những giải pháp đồng bộ như đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động, bổ sung học liệu trực quan phù hợp văn hóa, tăng cường hỗ trợ song ngữ và đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường với gia đình.

2.1.4. Nhận thức về hiệu quả của việc phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái qua làm quen với tác phẩm văn học

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đánh giá khá cao hiệu quả các biện pháp phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, nhưng mức độ hiệu quả giữa các biện pháp có sự khác biệt rõ rệt. Biện pháp được đánh giá cao nhất là sử dụng đồ dùng trực quan đa dạng như hình ảnh, vật thật, rối (ĐTB = 2,85; ĐLC = 0,36), với 85% giáo viên chọn “rất hiệu quả”, khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của phương tiện trực quan đối với trẻ mầm non dân tộc Thái.

Biện pháp giải thích từ khó qua ngữ cảnh tác phẩm văn học cũng được đánh giá rất tích cực (ĐTB = 2,70; ĐLC = 0,56), cho thấy dạy từ gắn ngữ cảnh giúp trẻ hiểu và ghi nhớ tự nhiên hơn. Biện pháp tăng cường tiếng Việt mọi lúc, mọi nơi trong sinh hoạt hằng ngày nhận được sự đồng thuận tương đối cao (ĐTB = 2,65; ĐLC = 0,57), phản ánh nhận thức đúng đắn của giáo viên về tính liên tục trong phát triển ngôn ngữ.

Trong khi đó, biện pháp xây dựng môi trường chữ viết và tiếng Việt trong lớp học được đánh giá tích cực nhưng chưa đồng đều (ĐTB = 2,50; ĐLC = 0,67), do một số giáo viên còn khó khăn trong thiết kế môi trường phù hợp. Biện pháp sử dụng trò chơi ngôn ngữ và đóng vai nhân vật có mức đánh giá thấp hơn (ĐTB = 2,30; ĐLC = 0,71), cho thấy hạn chế trong tổ chức hoạt động trải nghiệm giao tiếp. Thấp nhất là biện pháp phối hợp với phụ huynh rèn tiếng Việt tại nhà (ĐTB = 1,95; ĐLC = 0,79), phản ánh khó khăn từ môi trường gia đình chủ yếu dùng tiếng mẹ đẻ. Nhìn chung, các biện pháp gắn với trực quan, ngữ cảnh và lớp học hiệu quả hơn; vì vậy cần tăng cường đồ dùng trực quan kết hợp công nghệ để hỗ trợ trẻ tiếp thu tiếng Việt tự nhiên, bền vững.

2.2. Thực trạng phát triển vốn từ tiếng Việt của trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái qua làm quen với tác phẩm văn học

Kết quả khảo sát được tiến hành trên 17 trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi dân tộc Thái tại Trường Mầm non Châu Thành thông qua hình thức phỏng vấn, quan sát và đàm thoại trong các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Dữ liệu thu thập được phản ánh khá rõ nét thực trạng phát triển vốn từ tiếng Việt của trẻ trên các phương diện: khả năng nhận biết – hiểu nghĩa – sử dụng từ tiếng Việt trong giao tiếp và hoạt động.

2.2.1. Thực trạng khả năng nhận biết và gọi tên sự vật, hiện tượng bằng tiếng Việt

Kết quả khảo sát cho thấy khả năng nhận biết và gọi tên sự vật, hiện tượng bằng tiếng Việt của trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái tại Trường Mầm non Châu Thành đã bước đầu hình thành, song mức độ phát triển còn chưa đồng đều giữa các trẻ.

Ở nội dung nhận biết và gọi tên sự vật, đồ vật quen thuộc bằng tiếng Việt, có 41,2% trẻ đạt mức độ 2, 52,9% đạt mức độ 1 và vẫn còn 5,9% trẻ ở mức độ 0. Điểm trung bình đạt 1,35, độ lệch chuẩn 0,59, cho thấy khả năng gọi tên của trẻ còn ở mức trung bình và phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của giáo viên và phương tiện trực quan.

Đối với nội dung gọi tên sự vật, hành động thông qua hình ảnh hoặc video, không có trẻ ở mức độ 0; 58,8% trẻ đạt mức độ 1 và 41,2% đạt mức độ 2, với điểm trung bình 1,41. Kết quả này khẳng định vai trò tích cực của hình ảnh, video trong việc hỗ trợ trẻ nhận biết và gọi tên bằng tiếng Việt, đồng thời cho thấy vốn từ của trẻ chưa được ghi nhớ và sử dụng một cách độc lập.

Ở nội dung thực hiện yêu cầu và chỉ đúng đồ vật theo lời nói tiếng Việt, kết quả khả quan hơn với 58,8% trẻ đạt mức độ 2, 35,3% đạt mức độ 1 và 5,9% ở mức độ 0. Nội dung này có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 1,53; ĐLC = 0,61), cho thấy trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ tiếng Việt khá tốt khi từ vựng gắn với đồ vật và hành động quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày.

2.2.2. Thực trạng vốn từ tiếng Việt của trẻ trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

Kết quả khảo sát cho thấy vốn từ tiếng Việt của trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học đã bước đầu hình thành, song mức độ phát triển còn hạn chế và chưa thật sự vững chắc.

Ở nội dung gọi tên nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học, chỉ 29,4% trẻ đạt mức độ 2, trong

khi 58,8% trẻ đạt mức độ 1 và 11,8% trẻ ở mức độ 0. Điểm trung bình đạt 1,18, độ lệch chuẩn 0,62, là mức thấp nhất trong các nội dung khảo sát. Kết quả này cho thấy trẻ còn gặp nhiều khó khăn khi tiếp nhận ngôn ngữ văn học, đặc biệt với những từ ngữ mang tính khái quát hoặc ít xuất hiện trong giao tiếp hằng ngày.

Đối với nội dung nhắc lại từ, cụm từ quen thuộc trong truyện, thơ, có 41,2% trẻ đạt mức độ 2, 41,2% đạt mức độ 1 và 11,8% chưa thực hiện được. Điểm trung bình đạt 1,24 với độ lệch chuẩn 0,66, phản ánh khả năng ghi nhớ và tái hiện từ ngữ tiếng Việt của trẻ mới ở mức trung bình; việc nhắc lại còn phụ thuộc nhiều vào gợi ý và chưa gắn chặt với hiểu nghĩa từ.

2.2.3. *Thực trạng hiểu nghĩa từ tiếng Việt của trẻ khi có sự hỗ trợ*

Kết quả khảo sát cho thấy khả năng hiểu nghĩa từ tiếng Việt của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái được cải thiện rõ rệt khi có sự hỗ trợ trực quan như tranh ảnh, cử chỉ, điệu bộ và ngữ cảnh hoạt động của giáo viên. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của các hình thức hỗ trợ trong quá trình tiếp nhận tiếng Việt của trẻ dân tộc thiểu số.

Cụ thể, ở nội dung hiểu nghĩa từ tiếng Việt khi có tranh ảnh, cử chỉ hỗ trợ, có 52,9% trẻ đạt mức độ 2, 41,2% đạt mức độ 1 và chỉ 5,9% ở mức độ 0. Điểm trung bình đạt 1,47, độ lệch chuẩn 0,61, cho thấy đa số trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khi được đặt trong bối cảnh cụ thể và có sự minh họa phù hợp.

Tuy nhiên, đối với nội dung ghi nhớ và sử dụng lại từ tiếng Việt sau khi được làm quen, mặc dù tỷ lệ trẻ đạt mức độ 2 vẫn là 52,9%, song tỷ lệ trẻ ở mức độ 0 tăng lên 17,6%. Điểm trung bình giảm xuống 1,35, độ lệch chuẩn tăng lên 0,76, phản ánh sự phân hóa rõ rệt giữa các trẻ trong khả năng chuyển từ “hiểu” sang “sử dụng” từ.

2.2.4. *Thực trạng mức độ hứng thú và sử dụng tiếng Việt của trẻ trong hoạt động*

Kết quả khảo sát cho thấy trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái tại Trường Mầm non Châu Thành nhìn chung có hứng thú và thái độ tích cực khi tham gia các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, tuy nhiên mức độ chủ động sử dụng tiếng Việt còn hạn chế và chưa ổn định.

Ở nội dung mức độ hứng thú và chủ động sử dụng tiếng Việt trong hoạt động, phần lớn trẻ đạt mức độ 1 và 2, với điểm trung bình 1,41 và độ lệch chuẩn 0,49. Kết quả này cho thấy trẻ sẵn sàng lắng nghe, quan sát và tham gia trả lời khi có sự

gợi ý của giáo viên; nhiều trẻ thể hiện sự chú ý và hứng thú trước nội dung truyện, thơ và các hình thức tổ chức sinh động.

Tuy nhiên, việc sử dụng tiếng Việt của trẻ chủ yếu mang tính phản ứng, tức là trẻ chỉ nói khi được hỏi hoặc khuyến khích. Trong các tình huống giao tiếp tự nhiên, đặc biệt là khi vui chơi tự do, trẻ vẫn ưu tiên sử dụng tiếng mẹ đẻ. Điều này cho thấy hứng thú với hoạt động chưa được chuyển hóa thành hành vi sử dụng tiếng Việt một cách chủ động.

2.3. **Kết quả khảo sát đối với phụ huynh**

Trong giáo dục vùng dân tộc thiểu số, sự đồng thuận và phối hợp giữa nhà trường và gia đình là yếu tố sống còn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực tế tại Châu Thành cho thấy mối quan hệ này đang tồn tại những khoảng cách đáng kể.

2.3.1. *Nhận thức của phụ huynh về việc trẻ học tiếng Việt qua văn học*

Qua dữ liệu từ phiếu khảo sát phụ huynh, chúng ta có bảng số liệu về mức độ quan tâm của cha mẹ đối với việc con học tiếng Việt ở trường:

Kết quả khảo sát về nhận thức và mức độ quan tâm của phụ huynh đối với việc trẻ học tiếng Việt thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Phân tích số liệu cho thấy mức độ tham gia của phụ huynh vào quá trình hỗ trợ phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ còn thấp, thể hiện rõ qua các tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn ở từng nội dung khảo sát.

Cụ thể, đối với nội dung trao đổi với giáo viên về vốn từ tiếng Việt của con, chỉ có 26,7% phụ huynh cho biết thực hiện thường xuyên, trong khi tỷ lệ phụ huynh hiếm khi hoặc không trao đổi chiếm tới 46,6%. Điểm trung bình của nội dung này đạt 1,80 với độ lệch chuẩn 0,85, phản ánh mức độ quan tâm của phụ huynh còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các gia đình. Kết quả này cho thấy sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc theo dõi, hỗ trợ sự phát triển vốn từ tiếng Việt của trẻ chưa được duy trì thường xuyên và mang tính hệ thống.

Đối với nội dung nghe con kể lại chuyện hoặc đọc thơ đã học ở trường, tỷ lệ phụ huynh thực hiện thường xuyên chỉ đạt 10,0%, trong khi phần lớn phụ huynh chỉ thực hiện ở mức thỉnh thoảng (23,3%) hoặc hiếm khi/không thực hiện (66,7%). Nội dung này có điểm trung bình thấp (ĐTB = 1,43; ĐLC = 0,68), cho thấy hoạt động củng cố vốn từ tiếng Việt cho trẻ thông qua việc tái hiện nội dung văn học tại gia đình chưa được phụ

huynh quan tâm đúng mức. Điều này làm giảm cơ hội để trẻ được ôn luyện, lặp lại và vận dụng các từ mới đã tiếp thu, trong khi đây là yếu tố quan trọng giúp trẻ ghi nhớ và sử dụng từ một cách bền vững.

Đáng chú ý, đối với nội dung sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp với con tại nhà, chỉ có 10,0% phụ huynh cho biết thường xuyên sử dụng tiếng Việt, trong khi tỷ lệ hiếm khi hoặc không sử dụng lên tới 70,0%. Nội dung này có điểm trung bình thấp nhất trong ba nội dung khảo sát (ĐTB = 1,40; DLC = 0,67), phản ánh rõ thực trạng môi trường ngôn ngữ gia đình chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển vốn từ tiếng Việt của trẻ. Trong các gia đình người Thái, tiếng mẹ đẻ vẫn là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu trong sinh hoạt hằng ngày, khiến tiếng Việt của trẻ chỉ được sử dụng trong phạm vi nhà trường và thiếu sự củng cố ngoài lớp học.

2.3.2. Thực trạng phối hợp giữa nhà trường và gia đình

Kết quả khảo sát và tổng hợp ý kiến từ giáo viên, phụ huynh cho thấy sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học còn nhiều hạn chế và chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Mặc dù nhà trường đã có những nỗ lực nhất định trong việc trao đổi thông tin với phụ huynh, song nội dung và hình thức phối hợp vẫn còn mang tính chung chung, chưa thực sự đi vào chiều sâu.

Về kênh thông tin liên lạc, việc trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh chủ yếu được thực hiện thông qua các buổi họp phụ huynh định kỳ và những cuộc trò chuyện ngắn vào thời điểm đón – trả trẻ. Tuy nhiên, nội dung trao đổi phần lớn tập trung vào tình hình sức khỏe, ăn uống và sinh hoạt hằng ngày của trẻ; các vấn đề liên quan trực tiếp đến sự phát triển vốn từ tiếng Việt, đặc biệt là thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, chưa được quan tâm đúng mức và chưa được triển khai một cách thường xuyên, có hệ thống. Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy chỉ có 26,7% phụ huynh thường xuyên trao đổi với giáo viên về vốn từ tiếng Việt của con, trong khi 46,6% phụ huynh hiếm khi hoặc không trao đổi, phản ánh mức độ kết nối giữa gia đình và nhà trường còn lỏng lẻo.

2.3.3. Sự mâu thuẫn trong môi trường ngôn ngữ

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy tồn tại sự mâu thuẫn rõ rệt giữa môi trường ngôn ngữ tại nhà trường và trong gia đình trẻ dân tộc Thái. Trong khi nhà trường chú trọng xây dựng môi trường

tiếng Việt thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, thì tại gia đình và cộng đồng, tiếng Thái vẫn là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu.

Chỉ có 10,0% phụ huynh thường xuyên sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp với con tại nhà, trong khi 70,0% hiếm khi hoặc không sử dụng. Điều này khiến tiếng Việt của trẻ chủ yếu được sử dụng trong phạm vi lớp học, thiếu sự củng cố và lặp lại ngoài nhà trường, làm gián đoạn quá trình hình thành và phát triển vốn từ.

2.3.4. Những khó khăn khách quan trong việc kết nối

Kết hợp với ý kiến phỏng vấn giáo viên và phụ huynh cho thấy, việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái còn gặp nhiều khó khăn khách quan, xuất phát từ điều kiện kinh tế – xã hội, văn hóa và môi trường sống tại địa phương.

Điều kiện kinh tế, khoảng cách địa lý và đặc thù lao động nương rẫy khiến phụ huynh ít có thời gian và điều kiện tham gia các hoạt động phối hợp với nhà trường; đồng thời, việc tiếp cận công nghệ thông tin của một số gia đình còn hạn chế, làm giảm hiệu quả trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh. Bên cạnh đó, rào cản ngôn ngữ và nhận thức cũng ảnh hưởng đáng kể, khi nhiều phụ huynh sử dụng chủ yếu tiếng Thái, chưa tự tin dùng tiếng Việt và còn lo ngại việc học tiếng Việt sẽ ảnh hưởng đến tiếng mẹ đẻ của trẻ.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát đã chỉ ra mức độ nhận thức của giáo viên về vai trò của phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi, cũng như những vấn đề liên quan đến phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ qua làm quen với tác phẩm văn học. Kết quả cho thấy, mặc dù hoạt động văn học đã được tổ chức thường xuyên, song hiệu quả phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Thực trạng cho thấy vốn từ tiếng Việt của trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái còn hạn chế, trẻ gặp khó khăn trong việc hiểu, phát âm và sử dụng từ; mức độ chủ động giao tiếp bằng tiếng Việt chưa cao và chịu ảnh hưởng rõ rệt của tiếng mẹ đẻ. Hoạt động làm quen với tác phẩm văn học có vai trò quan trọng trong phát triển vốn từ cho trẻ, song việc tổ chức còn chưa thật sự đa dạng, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của trẻ. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất bốn giải pháp gồm: sử dụng đồ dùng trực quan và công nghệ hỗ trợ; lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp; áp dụng phương pháp song ngữ hỗ trợ; và đa dạng

hóa hình thức tổ chức hoạt động. Các giải pháp có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường và đặc điểm của trẻ. Có thể khẳng định rằng, việc vận dụng linh hoạt và đồng bộ các giải

pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc Thái, đồng thời nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học trong trường mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT)*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-50-2020-tt-bgddt-chuong-trinh-lam-quen-voi-tieng-anh-danh-cho-tre-em-mau-giao-200155-d1.html>

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-51-2020-tt-bgddt-sua-doi-chuong-trinh-giao-duc-mam-non-200250-d1.html>

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT về dạy và học tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-23-2023-tt-bgddt-day-va-hoc-tieng-viet-cho-tre-em-dan-toc-thieu-so-truoc-khi-vao-lop-1-282126-d1.html>

Nguyễn Thị Phương Thảo (Chủ biên). (2008). *Phương pháp dạy học song ngữ (Tài liệu thử nghiệm Chương trình giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, UNICEF)*.

Nguyễn Thị Phương Thảo. (2014). *Phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc cấp tiểu học*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Thị Ngọc Trâm, & Bùi Thị Kim Tuyền. (2011). *Tài liệu hướng dẫn chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Save the Children, UNICEF, & Oxfam Hong Kong. (2013). *Tổng kết Chương trình giáo dục song ngữ. MeSchool*. (n.d.). *Chương trình giáo dục mầm non*. <https://meschool.vn/blogs/nuoi-day-tre/chuong-trinh-giao-duc-mam-non>